

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28/4/2022
V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH ANGIANG.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thế Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng;
2. Ông Nguyễn Hồng Thái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 295/2021/TLST-HNGĐ ngày 24/11/2021 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 13/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12/4/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1965; địa chỉ cư trú: ấp 5, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang; có mặt

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: ấp 5, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 16/6/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị C trình bày:

Về hôn nhân: Giữa bà C với ông H do người lớn mai mối, cha, mẹ hai bên đồng ý, hai người tổ chức lễ cưới vào tháng 7 năm 1987, có tổ chức lễ cưới nhưng hai người không đi đăng ký kết hôn. Sau khi cưới nhau thì hai người về sống chung với mẹ ruột bà C tại xã V và sống hạnh phúc. Đến năm 2015 thì ông H sinh tật như rệu chè, chơi bài bạc và Ca si nô, bao nhiêu tài sản làm ra ông H

bán hết để cờ bạc. Ông H theo người phụ nữ khác hơn năm nay. Bà C nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, sống không có hạnh phúc. Xin được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Bà C với ông H có với nhau 04 người con chung tên Nguyễn Long H, sinh năm 1988, Nguyễn Văn Q, sinh năm 1992, Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1996 và Nguyễn Quốc K, sinh ngày 17/6/2003 đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự phân chia. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà C khai bà với ông H không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do;

Biên bản xác minh ngày 11/02/2022 của ông Huỳnh Thanh S là cán bộ hộ tịch, hộ khẩu, tư pháp xã V cung cấp thông tin: Ông Nguyễn Văn H với bà Nguyễn Thị C, không có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, thị xã T, tỉnh An Giang.

Biên bản xác minh ngày 14/02/2022 Công an xã V, thị xã T, tỉnh An Giang cung cấp: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1967 có hộ khẩu thường trú tại tổ 02, ấp 5, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang. Theo hồ sơ hộ khẩu số 639 ngày 13/02/2019, ông H vẫn còn hộ khẩu tại địa chỉ trên.

Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải nhưng không thực hiện được do ông H vắng mặt.

Hội đồng xét xử công bố biên bản xác minh ngày 11/02/2022 của tư pháp xã V, biên bản xác minh ngày 14/02/2022 của Công an xã V, biên bản không lấy được lời khai của ông H.

Tại phiên tòa, bà C không cung cấp thêm chứng cứ, ông H vắng mặt.

Bà C khẳng định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ, không cung cấp gì thêm. Ông H không cung cấp chứng cứ.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị C với ông Nguyễn Văn H không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, năm 2015 giữa bà C với ông H có phát sinh mâu thuẫn. Bà C với ông H đã không còn sống chung thời gian dài. Căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị không công nhận giữa bà C với ông H là vợ chồng.

Về con chung: Điều đã trưởng thành không đặt ra giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị C khởi kiện “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn” với ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: ấp 5, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý giải quyết.

Biên bản xác minh ngày 14/02/2022 Công an xã V, thị xã T, tỉnh An Giang cung cấp: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1967 có hộ khẩu thường trú tại tổ 02, ấp 5, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang. Theo hồ sơ hộ khẩu số 639 ngày 13/02/2019, ông H vẫn còn hộ khẩu tại địa chỉ trên.

Sự vắng mặt của đương sự: Ông Nguyễn Văn H vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử.

Về nội dung:

[2] Về hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị C với ông Nguyễn Văn H tự tìm hiểu yêu thương, được cha, mẹ hai bên đồng ý và tổ chức lễ cưới vào năm 1987 nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc được đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp sống không có hạnh phúc. Bà C nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, sống không có hạnh phúc, yêu cầu được ly hôn với ông H.

Theo biên bản xác minh ngày 11/02/2022 của ông Huỳnh Thanh S là cán bộ hộ tịch, hộ khẩu, tư pháp xã V cung cấp thông tin: Ông Nguyễn Văn H với bà Nguyễn Thị C, không có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, thị xã T, tỉnh An Giang

Xét thấy yêu cầu của bà C xin ly hôn với ông H, nhưng do 02 người không có đăng ký kết hôn nên không được xem là vợ chồng.

Như vậy cho thấy giữa bà Nguyễn Thị C với ông Nguyễn Văn H, hai người sống chung với nhau vào năm 1987, khi đó cả hai người đều đã đến tuổi đăng ký kết hôn. Nhưng giữa bà C với ông H không thực hiện nghĩa vụ đi đăng ký kết hôn, nên quan hệ giữa bà C với ông H không làm phát sinh nghĩa vụ vợ chồng theo quy định tại khoản 1, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, HĐXX nên tuyên không công nhận giữa bà C với ông H là vợ chồng, phù hợp pháp luật.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị C với ông Nguyễn Văn H có với nhau 04 người con chung tên Nguyễn Long H, sinh năm 1988, Nguyễn Văn Q, sinh năm 1992, Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1996 và Nguyễn Quốc k, sinh ngày 17/6/2003 đều đã trưởng thành.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà C khai giữa bà C với ông H không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không đặt ra giải quyết. Nếu sau này ông H cho rằng trong thời kỳ sống chung giữa ông H với bà C có tài sản, nợ chung thì ông H vẫn có quyền khởi kiện ra tòa yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà C được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0006028, ngày 19/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu;

Ông Nguyễn Văn H không phải chịu tiền án phí hôn nhân.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận giữa bà Nguyễn Thị C với ông Nguyễn Văn H là vợ chồng.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị C với ông Nguyễn Văn H có với nhau 04 người con chung tên Nguyễn Long H, sinh năm 1988, Nguyễn Văn Q, sinh năm 1992, Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1996 và Nguyễn Quốc k, sinh ngày 17/6/2003 đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết. Nếu sau này ông Nguyễn Văn H cho rằng trong thời kỳ sống chung giữa ông H với bà C có tài sản, nợ chung thì ông H vẫn có quyền khởi kiện bà C ra tòa yêu cầu giải quyết trong vụ án khác

Về án phí: Bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà C được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo

biên lai thu số 0006028, ngày 19.11.2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu;

Ông Nguyễn Văn H không phải chịu tiền án phí hôn nhân..

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Thị C có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Thời gian kháng cáo của ông Nguyễn Văn H là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND TX (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS TX (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thế Minh